

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THỪA THIÊN HUẾ TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ ----- o O o -----	THI THỬ THPT QUỐC GIA MÔN : ĐỊA LÝ Thời gian làm bài : 50 <i>phút</i>
---	---

Họ, tên học sinh:.....Số báo danh .. .....

Mã đề thi  
132

**Câu 1:** Nhóm ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp là

- A. công nghiệp khai thác.
- B. công nghiệp chế biến.
- C. công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.
- D. công nghiệp năng lượng.

**Câu 2:** Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam, hãy cho biết đường dây 500KV chạy dài từ đâu đến đâu?

- A. Hòa Bình – Thủ Đức.
- B. Hòa Bình – Phú Mỹ.
- C. Hòa Bình – Phú Lâm.
- D. Hòa Bình – Trà Nóc.

**Câu 3:** Ngành công nghiệp trọng điểm không phải là ngành

- A. đem lại hiệu quả cao về mặt kinh tế.
- B. có thể mạnh lâu dài.
- C. dựa hoàn toàn vào vốn nước ngoài.
- D. có tác động mạnh đến nhiều ngành khác.

**Câu 4:** Than nâu phân bố nhiều nhất ở

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 5:** Đặc điểm nào sau đây không đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

- A. Thổi liên tục suốt mùa đông, đem lại mưa nhiều.
- B. Tạo nên một mùa đông lạnh 3 tháng ở miền Bắc.
- C. Hầu như ít ảnh hưởng miền Nam nước ta.
- D. Chỉ ảnh hưởng chủ yếu ở miền Bắc nước ta.

**Câu 6:** Trong các nhận định sau, có mấy nhận định không đúng về vùng Đông Nam Bộ?

- 1) Dẫn đầu cả nước về GDP.
- 2) Chiếm 4/5 giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước.
- 3) Nền kinh tế hàng hóa phát triển sớm nhất.
- 4) Khai thác theo chiều sâu là vấn đề tiêu biểu của vùng.
- 5) Công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển sớm hơn so với các vùng khác.

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

**Câu 7:** Cho bảng số liệu: Sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản của nước ta

Năm	2005	2007	2010	2013
- Sản lượng (nghìn tấn)	3 467	4 200	5 142	6 020
+ Khai thác	1 988	2 075	2 414	2 804
+ Nuôi trồng	1 479	2 125	2 728	3 216
- Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	63 678	89 694	153 170	261 326

Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tình hình phát triển của ngành thủy sản là

- A. biểu đồ cột.
- B. biểu đồ miền.
- C. biểu đồ đường.
- D. biểu đồ cột chồng và đường.

**Câu 8:** Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng duyên hải miền Trung nên

- A. đồng bằng hẹp ngang, có nhiều cửa sông.
- B. đồng bằng mở rộng có nhiều bãi triều.
- C. đất nghèo dinh dưỡng, nhiều cát ít phù sa sông.
- D. đồng bằng bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

**Câu 9:** Vùng nào nước ta có tỷ trọng chiếm hơn 1/2 tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước?

- A. Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.  
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 10:** Hiện nay dân số nước ta đang có xu hướng

- A. trẻ hóa. B. bão hòa. C. già hóa. D. gia tăng nhanh.

**Câu 11:** Ở Tây Nguyên phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt đới (chè) là do

- A. diện tích đất đỏ ba dan lớn. B. khí hậu cận xích đạo gió mùa.  
C. người dân có nhiều kinh nghiệm sản xuất. D. địa hình cao, khí hậu mát mẻ.

**Câu 12:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, ngành chiếm tỷ trọng cao nhất là

- A. ngành chăn nuôi. B. dịch vụ nông nghiệp.  
C. trồng trọt. D. sản xuất lương thực

**Câu 13:** Đặc điểm nào sau đây đúng với chất lượng nguồn lao động ở nước ta?

- A. Nguồn lao động dồi dào chiếm 51,2% dân số.  
B. Lao động phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi.  
C. Hằng năm được bổ sung một lực lượng lao động mới.  
D. Người lao động cần cù, chịu khó, có kinh nghiệm sản xuất.

**Câu 14:** Ở nông thôn tình trạng thiếu việc làm chiếm tỷ lệ cao là do

- A. công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển. B. sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ.  
C. lao động thiếu tay nghề. D. mức sống của người dân thấp.

**Câu 15:** Biểu hiện nào sau đây mang tính chất nhiệt đới?

- A. Trong năm có hai lần mặt trời lên thiên đỉnh.  
B. Càng vào Nam thì góc nhập xạ càng lớn.  
C. Cân bằng ẩm luôn dương.  
D. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ quanh năm dương.

**Câu 16:** Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất công nghiệp từ 40 nghìn tỷ đồng?

- A. Nam Định, Hưng Yên. B. Bắc Ninh, Phúc Yên.  
C. Phúc Yên, Hải Dương. D. Hải Dương, Nam Định.

**Câu 17:** Diện tích tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long lớn hơn diện tích của Đồng bằng sông Hồng là

- A. 2,5 lần. B. 2,6 lần. C. 2,7 lần. D. 2,8 lần.

**Câu 18:** Thiên tai nào sau đây rất hiếm khi xảy ra ở đồng bằng nước ta?

- A. Lũ lụt. B. Động đất. C. Hạn hán. D. Bão.

**Câu 19:** Hai trục đường bộ xuyên quốc gia quan trọng nhất của nước ta là

- A. quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh. B. quốc lộ 1 và quốc lộ 14.  
C. đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 6. D. đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 14.

**Câu 20:** Cho bảng số liệu: Diện tích cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm (đơn vị: nghìn ha)

Năm	Cây công nghiệp hàng năm	Cây công nghiệp lâu năm
1990	542,0	657,3
1995	716,7	902,3
2000	778,1	1451,3
2005	861,5	1633,6

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh.  
B. Cây công nghiệp lâu năm chiếm tỷ trọng cao hơn cây công nghiệp hàng năm.  
C. Cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh hơn cây công nghiệp hàng năm.  
D. Cây công nghiệp hàng năm chiếm tỷ trọng cao hơn cây công nghiệp lâu năm.

**Câu 21:** Thuận lợi chủ yếu để nuôi trồng thủy sản nước ta là

- A. đường bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế biển rộng lớn.

- B. vùng biển có nguồn hải sản phong phú.
- C. có nhiều loại hải sản có giá trị.
- D. dọc bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá, rừng ngập mặn.

**Câu 22:** Ở đồng bằng sông Hồng, vụ lúa nào đã trở thành vụ chính của vùng ?

- A. Vụ xuân – hè.
- B. Vụ thu – đông.
- C. Vụ đông – xuân.
- D. Vụ hè – thu.

**Câu 23:** Ý nào sau đây không đúng với hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh của đai nhiệt đới gió mùa?

- A. Hình thành ở những vùng cao ít mưa.
- B. Động vật nhiệt đới chiếm ưu thế.
- C. Rừng có nhiều tầng tán.
- D. Phần lớn các loại cây nhiệt đới.

**Câu 24:** Nét nổi bật nhất của vùng núi Tây Bắc là

- A. có bốn cánh cung lớn.
- B. có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
- C. gồm các khối núi và các cao nguyên.
- D. có các cao nguyên ba dan rộng lớn.

**Câu 25:** Hướng nghiêng chính của địa hình nước ta là

- A. Đông Bắc – Tây Nam.
- B. Tây Bắc - Đông Nam.
- C. Tây Nam – Đông Bắc.
- D. Đông Nam – Tây Bắc.

**Câu 26:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí nước ta?

- A. Nước ta nằm liền kề vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương- Địa Trung Hải.
- B. Nước ta nằm ở ngoại chí tuyến Bắc bán cầu.
- C. Nước ta nằm rìa phía Đông bán đảo Đông Dương.
- D. Nước ta nằm trong khu vực châu Á gió mùa.

**Câu 27:** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 28, hãy sắp xếp thứ tự các khu kinh tế ven biển từ Bắc vào Nam của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

- A. Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.
- B. Chu Lai, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong, Dung Quất.
- C. Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Vân Phong, Nam Phú Yên.
- D. Chu Lai, Dung Quất, Nam Phú Yên, Vân Phong, Nhơn Hội.

**Câu 28:** Vùng đồng bằng thường bị nạn cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn ở nước ta là

- A. đồng bằng ven biển Miền Trung.
- B. đồng bằng sông Cửu Long.
- C. đồng bằng nhỏ trên núi.
- D. đồng bằng sông Hồng.

**Câu 29:** Thị trường xuất khẩu lớn nhất hiện nay của nước ta là

- A. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.
- B. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc.
- C. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Phi.
- D. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc.

**Câu 30:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vị trí của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Giáp với Bắc Trung Bộ.
- B. Nằm kề bên vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
- C. Giáp với các nước Lào, Trung Quốc và Campuchia.
- D. Tiếp giáp với vịnh Bắc Bộ

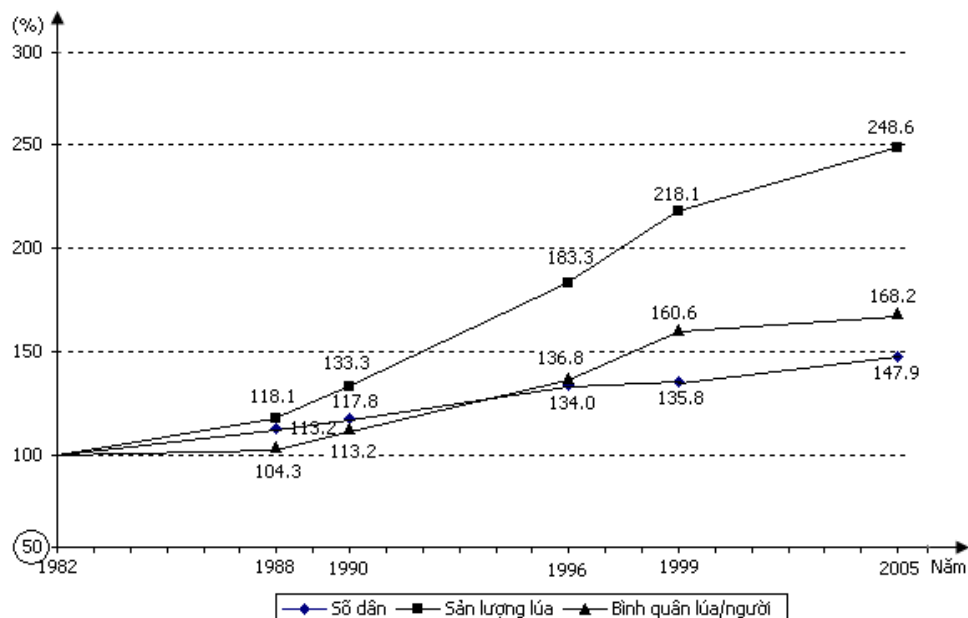
**Câu 31:** Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam, hãy cho biết đường bờ biển nước ta kéo dài từ đâu đến đâu?

- A. Quảng Ninh – Cà Mau.
- B. Móng Cái – mũi Cà Mau.
- C. Hải Phòng – Kiên Giang.
- D. Móng Cái – Hà Tiên.

**Câu 32:** Diện tích gò đồi nhiều nên ở Bắc Trung Bộ thuận lợi nhất là

- A. Trồng cây lương thực và cây rau màu.
- B. kinh tế vườn rừng và chăn nuôi gia súc.
- C. Cây công nghiệp hàng năm và cây lâu năm.
- D. Cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.

**Câu 33:** Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây là đúng nhất về số dân, sản lượng lúa và bình quân lương thực/người của nước ta từ năm 1982-2005?

- A. Quy mô và tốc độ số dân, sản lượng lúa và bình quân lương thực/người của nước ta từ năm 1982-2005.
- B. Tốc độ gia tăng số dân, sản lượng lúa và bình quân lương thực/người của nước ta từ năm 1982-2005.
- C. Tốc độ tăng trưởng số dân, sản lượng lúa và bình quân lương thực/người của nước ta từ năm 1982-2005.
- D. Cơ cấu số dân, sản lượng lúa và bình quân lương thực/người của nước ta từ năm 1982-2005.

**Câu 34:** Cho bảng số liệu: Số lượng trâu, bò năm 2005 (đơn vị: nghìn con)

Vùng	Cả nước	Trung du miền núi Bắc Bộ	Tây Nguyên
Trâu	2922,2	1679,5	71,9
Bò	5540,7	898,8	616,9

So với cả nước tỷ trọng đàn trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ chiếm khoảng

- A. 50%.
- B. 55%.
- C. 57%.
- D. 60%.

**Câu 35:** Nguyên nhân nào làm tăng tính bất bình vốn có của nền nông nghiệp nước ta?

- A. Do chế độ nước có sự phân hóa theo mùa.
- B. Do nước ta có nhiều thiên tai.
- C. Do diện tích đất đai ngày càng bị thu hẹp.
- D. Do diễn biến thất thường của khí hậu và thời tiết.

**Câu 36:** Địa hình đồng bằng sông Hồng có đặc điểm

- A. cao ở rìa phía Tây và Tây Bắc thấp dần ra biển.
- B. cao phía Tây, thấp trũng phía Đông.
- C. thấp trũng ở phía Tây, cao ở phía Đông.
- D. cao ở phía Tây Bắc và phía Tây Nam thấp dần ra biển.

**Câu 37:** Khó khăn lớn nhất của Đồng bằng sông Cửu Long là

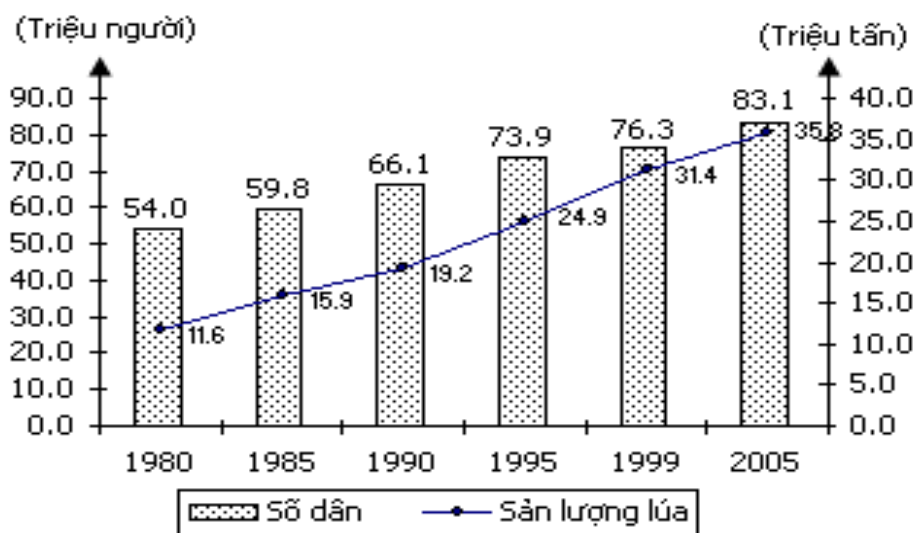
- A. mùa khô kéo dài gây thiếu nước.
- B. diện tích rừng ngập mặn đang bị suy giảm.
- C. ngập lụt trên diện rộng.
- D. tình trạng xâm nhập mặn ngày càng tăng.

**Câu 38:** Thế mạnh nông nghiệp ở đồng bằng là

- A. cây lâu năm và chăn nuôi lợn.
- B. cây hàng năm và chăn nuôi gia súc nhỏ, gia cầm.
- C. cây lâu năm và chăn nuôi gia súc.

D. cây hàng năm và lâm nghiệp.

Câu 39: Cho biểu đồ sau:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ?

- A. Số dân và sản lượng lúa tăng nhanh và ít biến động.
- B. Sản lượng lúa và dân số đều tăng, nhưng sản lượng lúa tăng nhanh hơn.
- C. Số dân và sản lượng lúa tăng nhanh, nhưng số dân tăng đều hơn.
- D. Sản lượng lúa và dân số tăng chậm nhưng ổn định.

Câu 40: Khu vực chiếm tỷ trọng nhỏ, nhưng lại tăng nhanh trong cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta là

- A. khu vực nhà nước.
- B. khu vực tư nhân.
- C. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. khu vực cá thể.

----- HẾT -----